

Bản án số: 05/2020/KDTM-PT

Ngày: 13/3/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).

Địa chỉ: Số 25A, đường Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quốc N, chức vụ: Trưởng phòng Tín dụng đầu tư – chi nhánh NHPT khu vực Minh Hải, địa chỉ: số 7 An Dương Vương, phường 7, thành phố Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020, có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn B – Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Đăng.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm: 1955 (Văn bản ủy quyền ngày 02/10/2018, có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Địa chỉ: Tháp BIDV, Số 35, đường Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của BIDV : Ông Lê Minh T, Phó giám đốc phòng giao dịch Sông Đốc – Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019, có mặt)

2/ Anh Dương Minh N1, sinh năm: 1980 (Xin vắng mặt).

3/ Chị Võ Thị Thu T3, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

4/ Bà L2 Thị S2, sinh năm: 1948 (không triệu tập)

5/ Ông Châu H (đã chết)

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm:

Bà L2 Thị S2; anh Châu Thanh C; anh Châu Thanh T1; chị Châu Thị Bé T5; chị Châu Thị Bé L2; chị Châu Thị Bé S3; anh Châu Thanh T2 (không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

6/ Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng Phát triển Việt Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người đại diện của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trình bày:* Ngày 22/8/1997, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia Cà Mau, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải (gọi tắt là VDB) ký hợp đồng tín dụng số: 22/97/HĐTD với ông Dương Văn B – Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Đăng cho vay số tiền 150.000.000đ để đầu tư tàu đánh bắt hải sản. Thời hạn cho vay 43 tháng, lãi suất trong hạn 9,72%/năm, lãi suất quá hạn 150% tính trên nợ gốc chậm trả. Tài sản thế chấp là toàn bộ nhà và đất của ông B và bà S1 tại số 82, khóm 2, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 32/97 ngày 25/8/1997, được chứng nhận thế chấp số: 338/CN-TC ngày 26/8/1997 (Tài sản dùng để thế chấp chỉ có xác nhận tạm thời của UBND thị trấn Sông Đốc và UBND huyện Trần Văn Thời ngày 13/8/1997). Hợp đồng bảo lãnh số: 06/97 TD/BL ngày 04/9/1997 ký với ông Châu H, tài sản thế chấp là toàn bộ nhà và đất của ông H và bà S2 tại số 145, khóm 5, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 35/97 ngày 04/9/1997, được chứng nhận bảo lãnh số: 98/CNBL ngày 03/9/1997. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã thanh toán được tổng số tiền 55.000.000đ (trong đó trả gốc 41.500.000đ, trả lãi 13.500.000đ). Hiện nay ông B còn nợ gốc 108.500.000đ, nợ lãi 357.377.837đ).

Ngày 07/10/2008, ông B được UBND huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thế chấp nêu trên. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất, ông B làm thủ tục tặng cho con là Dương Minh N1 và anh N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/9/2015.

Từ nội dung trên, đại diện VDB yêu cầu ông B – Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Đăng có nghĩa vụ thanh toán cho VDB tổng số tiền nợ là 465.877.837đ, trong đó nợ gốc 108.500.000đ, nợ lãi 357.377.837đ; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B với anh N1; yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 32/97 ngày 25/8/1997, được chứng nhận thế chấp số: 338/CN-TC ngày 26/8/1997 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 35/97 ngày 04/9/1997, được chứng nhận bảo lãnh số: 98/CNBL ngày 03/9/1997; yêu cầu ông B phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí.

* Bà Nguyễn Thị S1 đại diện ông Dương Văn B trình bày: Bà thừa nhận ông B có vay tiền tại VDB để đầu tư tàu đánh bắt hải sản và có thế chấp tài sản là nhà, đất đúng như đại diện VDB trình bày. Do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà mới làm thủ tục tặng cho tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông, bà cho anh N1 để vay tiền của Ngân hàng Đầu tư kinh doanh tiếp tục nhưng không báo cho VDB biết. Hiện bà xác định còn nợ số tiền gốc và lãi đúng như đại diện VDB trình bày. Bà đồng ý thanh toán phần nợ gốc cho VDB mỗi tháng 5.000.000đ, nợ lãi xin trả dần đến khi hết nợ. Đây cũng là ý kiến của bà S1 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Ngân hàng BIDV là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: Ngày 01/6/2016, BIDV có cho anh Dương Minh N1 và chị Võ Thị Thu T3 vay số tiền 260.000.000đ, thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất trong hạn 11,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 20/12/2018, BIDV tiếp tục cho anh Dương Minh N1 vay số tiền 170.000.000đ, thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất trong hạn 11,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là toàn bộ nhà và đất của anh N1, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 38/2016/7859022/HĐBĐ ngày 01/6/2016, được chứng nhận thế chấp số: 373 ngày 01/6/2016 của Văn phòng Công chứng Sông Đốc. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh N1 đã thanh toán được một phần nợ gốc và một phần nợ lãi. Hiện nay anh N1 còn nợ gốc của hai khoản vay là 290.887.000đ, nợ lãi của hai khoản vay là 718.810đ, tổng các khoản nợ là 291.605.810đ.

Từ nội dung trên, đại diện BIDV yêu cầu anh N1 và chị T3 có nghĩa vụ thanh toán cho BIDV tổng số tiền nợ nêu trên và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 38/2016/7859022/HĐBĐ ngày 01/6/2016, được chứng nhận thế chấp số: 373 ngày 01/6/2016 của Văn phòng Công chứng Sông Đốc. Lý do anh N1 đã bị kéo nhóm nợ xấu của khoản vay đóng tàu theo Nghị định 67, vì trả nợ không đúng kỳ hạn.

* Chị Võ Thị Thu T3 trình bày: Chị thừa nhận có vay nợ và thế chấp tài sản đúng như đại diện Ngân hàng đầu tư trình bày. Nay chị đồng ý cùng anh N1 trả nợ cho Ngân hàng và đồng ý xử lý tài sản thế chấp, đồng thời chị xin được giảm án phí cho chị và anh N1.

* Đối với bà L2 Thị S2; anh Châu Thanh C; chị Châu Thị Bé T5; chị Châu Thị Bé L2; chị Châu Thị Bé S3; anh Châu Thanh T2; anh Châu Thanh T1: Khước

từ nhận các văn bản tố tụng, khước từ tham gia tố tụng, không đồng ý ký tên vào các văn bản tổng đạt của Tòa án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Căn cứ các Điều 133, 357, 422, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự ; Căn cứ khoản 1 Điều 183, khoản 3 Điều 185 của Luật doanh nghiệp; Căn cứ các Điều 74, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ đi ểm đ ể khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – buộc ông Dương Văn B thanh toán cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam tổng các khoản là: 465.877.837đ, trong đó nợ gốc 108.500.000đ, nợ lãi 357.377.837đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 35/97 ngày 04/9/1997, được chứng nhận bảo lãnh số: 98/CNBL ngày 03/9/1997 của ông Châu H và bà L2 Thị S2 đảm bảo cho khoản nợ vay của ông B với số nợ gốc 54.250.000đ; lãi 178.688.919đ cùng lãi phát sinh. Buộc bà L2 Thị S2 cùng những người thừa kế quyền, nghĩa vụ về tài sản của ông H gồm Châu Thanh C; Châu Thanh T1; Châu Thị Bé T5; Châu Thị Bé L2; Châu Thị Bé S3; Châu Thanh T2 giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan thi hành án phát mại thu hồi nợ cho VDB.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 32/97 ngày 25/8/1997, được chứng nhận thế chấp số: 338/CN-TC ngày 26/8/1997.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của BIDV: Buộc anh Dương Minh N1 và chị Võ Thị Thu T3 thanh toán cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng các khoản là: 291.605.810đ, trong đó nợ gốc 290.887.000đ, nợ lãi 718.810đ.

Chấp nhận yêu cầu của BIDV về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 38/2016/7859022/HĐBĐ ngày 01/6/2016, được chứng nhận thế chấp số: 373 ngày 01/6/2016 của Văn phòng Công chứng Sông Đốc. Buộc anh N1 và chị T3 giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan thi hành án phát mại thu hồi nợ cho BIDV.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/12/2019, Ngân hàng Phát triển Việt Nam kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 32/97 ngày 25/8/1997, được chứng nhận thế chấp số 338/CN-TC ngày 26/8/1997. Trong quá trình xử lý tài sản quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số 82 khóm 2, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, đề nghị cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam được ưu tiên thu hồi nợ trước; Trong trường hợp Tòa án xét thấy có dấu hiệu hình

sự, đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; Đề nghị đưa Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời và Phòng công chứng số 1 tỉnh Cà Mau vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Ngân hàng bổ sung nội dung về việc điều chỉnh lại phần lãi suất theo hợp đồng cho vay.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng phát triển Việt N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị xem xét điều chỉnh về việc chịu lãi suất theo hợp đồng cho vay. Xét kháng cáo của VDB, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 32/97 ngày 25/8/1997, được chứng nhận thế chấp số 338/CN-TC ngày 26/8/1997, phía VDB cho rằng hợp đồng thế chấp này là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm thế chấp để đảm bảo cho khoản vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, việc ông B tự ý sử dụng tài sản đã thế chấp cho Chi nhánh Ngân hàng VDB đem tặng cho con là Dương Minh N1 và không thông báo cho Chi nhánh Ngân hàng VDB được biết. Xét việc thế chấp tài sản theo hợp đồng số 32/97 ngày 25/8/1997 mặc dù tại thời điểm thế chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời xác nhận thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông B và bà S1, tuy nhiên, thời điểm vay vốn ông B vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2008 ông B được cấp quyền sử dụng thì ông B đã tặng cho anh Dương Minh N1, anh N1 đang thế chấp cho Ngân hàng BIDV. Trong trường hợp này, Ngân hàng BIDV là người thứ ba ngay tình và theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự thì giao dịch với người thứ ba ngay tình không bị vô hiệu theo nhận định của cấp sơ thẩm là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ xử lý tài sản thế chấp này để thu hồi nợ cho VDB khi ông B không có khả năng thanh toán nợ.

[2] Về việc VDB yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra để làm rõ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật hình sự, xét vụ án này các bên đang tranh chấp về hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên Tòa án chỉ giải quyết đối với tranh chấp kinh doanh thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã nhận định nếu VDB có căn cứ cho rằng cơ quan, tổ chức, cá nhân nào làm sai quy định ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VDB thì có quyền yêu cầu

bồi thường thiệt hại hoặc yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của VDB.

[3] VDB yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời và Phòng Công chứng số 1 tỉnh Cà Mau vào tham gia tố tụng để làm rõ việc UBND huyện Trần Văn Thời ký xác nhận tài sản thế chấp, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Cà Mau chứng nhận thế chấp, xét thấy việc ký xác nhận tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của ông B, bà S1 và việc chứng nhận thế chấp tại thời điểm năm 1997 là thực hiện theo đúng quy định đã có cụ thể trong hồ sơ và bản án sơ thẩm cũng nhận định rõ nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng VDB.

[4] Đối với quyết định của cấp sơ thẩm tuyên “*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật*” và “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015*”. Quyết định này của cấp sơ thẩm chưa rõ ràng và có phần chưa chính xác nên cần điều chỉnh lại theo ý kiến đề nghị của Ngân hàng VDB.

Ngoài ra quyết định của cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý tài sản thế chấp nhưng chưa tuyên kể từ khi ông B, anh N1, chị T3 chưa thanh toán xong khoản nợ vay thì khi đó mới xử lý tài sản đảm bảo theo Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[5] Từ những căn cứ trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của VDB là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí là 2.000.000đ theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB). Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – buộc ông Dương Văn B thanh toán cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam tổng các khoản là: 465.877.837đ, trong đó nợ gốc 108.500.000đ, nợ lãi 357.377.837đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 35/97 ngày 04/9/1997, được chứng nhận bảo lãnh số: 98/CNBL ngày 03/9/1997 của ông Châu H và bà L2 Thị S2 đảm bảo cho khoản nợ vay của ông B với số nợ gốc 54.250.000đ; lãi 178.688.919đ cùng lãi phát sinh. Buộc bà L2 Thị S2 cùng những người thừa kế quyền, nghĩa vụ về tài sản của ông H gồm Châu Thanh C; Châu Thanh T1; Châu Thị Bé T5; Châu Thị Bé L2; Châu Thị Bé S3; Châu Thanh T2 giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan thi hành án phát mại thu hồi nợ cho VDB khi ông Dương Văn B không thanh toán nợ gốc 54.250.000đ; lãi 178.688.919đ cùng lãi phát sinh cho Ngân Hàng phát triển Việt Nam.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 32/97 ngày 25/8/1997, được chứng nhận thế chấp số: 338/CN-TC ngày 26/8/1997.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV): Buộc anh Dương Minh N1 và chị Võ Thị Thu T3 thanh toán cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng các khoản là: 291.605.810đ, trong đó nợ gốc 290.887.000đ, nợ lãi 718.810đ.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 38/2016/7859022/HĐBĐ ngày 01/6/2016, được chứng nhận thế chấp số: 373 ngày 01/6/2016 của Văn phòng Công chứng Sông Đốc. Buộc anh N1 và chị T3 giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan thi hành án phát mại thu hồi nợ cho BIDV khi anh Dương Minh N1 và chị Võ Thị Thu T3 không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Dương Văn B, anh Dương Minh N1, chị Võ Thị Thu T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Buộc ông Dương Văn B phải hoàn trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 2.225.000đ.

Kể từ ngày Ngân hàng Phát triển Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên nếu ông B chậm thi hành thì ông B còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Ông B được xét miễn nộp theo luật định. Ngân hàng Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí, ngày 07/9/2018, VDB đã nộp tạm ứng án phí 11.310.000đ theo biên lai số 0008654 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh N1 và chị T3 phải chịu án phí 14.580.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí, ngày 03/8/2019, BIDV đã nộp tạm ứng án phí 7.665.000đ theo biên lai số 0002513 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải chịu 2.000.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai số 0002992 ngày 13/12/2019 được chuyển thu.

Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Hải Hà